

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 13 tháng 01 năm 2025
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Trò và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Hồng D, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Hoàng Thanh V, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D xin giải quyết vắng mặt, anh V vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Hồng D trình bày:* Chị và anh Hoàng Thanh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị về chung

sống cùng anh V và gia đình anh V tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên không bảo ban được nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ cuối năm 2022 khi mâu thuẫn trầm trọng chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở tại xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Khi mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về con chung: Chị và anh V có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 và cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh V còn cháu C đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và nhất trí giao cháu H cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, *P bị đơn anh Hoàng Thanh V:* Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh V đều vắng mặt.

3, *Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/12/2024 ông Hoàng Thanh H1 (bố đẻ anh V) trình bày:* Chị D và anh V có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng anh V và gia đình ông tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ cuối năm 2022 anh chị mâu thuẫn trầm trọng chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh V và gia đình ông nữa, anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị D xin ly hôn, ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn thì ông cũng nhất trí đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Chị D, anh V có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 và cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022. Hiện nay cháu C đang ở chị D do chị D nuôi dưỡng, còn cháu H hiện nay ở cùng anh V và vợ chồng ông. Anh V ở cùng vợ chồng ông, có chỗ ăn ở, nhà cửa đất đai ổn định đảm bảo chỗ ăn ở, học tập cho cháu H. Vợ chồng ông luôn giúp đỡ anh V trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H nên cháu H được phát triển tốt. Anh V hiện nay làm lao động tự do có thu nhập khoảng 7-8 triệu đồng/ 01 tháng đủ điều kiện để nuôi con. Khi anh chị ly hôn ông đề nghị Toà án giao cháu C cho chị D nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh V nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Việc chị D làm đơn xin ly hôn anh V biết rõ nhưng anh V bận đi làm nên không đến Toà án làm việc được. Vì vậy ông đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh V.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tam Sơn ngày 03/12/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị D và anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2018 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng anh V và bố mẹ anh V tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ cuối năm 2022 anh chị mâu thuẫn trầm trọng chị D đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị tại xã X, thị xã S, thành phố Hà Nội ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh V nữa. Chị D và anh V có 02 con chung là cháu Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 và cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022. Hiện nay cháu H đang ở cùng anh V và bố mẹ anh V được anh V và bố mẹ anh V chăm sóc tốt nên cháu được ăn học đầy đủ. Còn cháu C hiện nay đang ở cùng chị D do chị D nuôi dưỡng. Nay chị D xin ly hôn anh V, trường hợp Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn, để đảm chỗ ăn ở ổn định cho các con chung của anh chị thì đề nghị Toà án giao cháu C cho chị D nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh V nuôi dưỡng. Hiện nay anh V làm lao động tự do có thu nhập hàng tháng, hàng ngày vẫn đi làm về ở cùng nhà với vợ chồng ông Hoàng Thanh H1 (là bố đẻ anh V). Vợ chồng ông H1 ở địa phương có nhà ở, đất đai ổn định, hàng ngày vợ chồng ông H1 vẫn giúp đỡ anh V trong việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu H nên cháu H được ăn học và phát triển tốt.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Hồng D được ly hôn anh Hoàng Thanh V.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi

vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phan Hồng D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Hoàng Thanh V có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị D có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh Việt T án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh V vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị D và anh V là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 02/10/2018 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị D cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên không bao ban được nhau nên vợ chồng xảy ra cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Từ cuối năm 2022 khi mâu thuẫn trầm trọng chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Khi mâu thuẫn gia đình hai bên cũng đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Nay chị

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V. Phía anh Việt T1 án đã báo gọi nhiều lần, anh V biết rõ việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị Diện và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bỏ để anh V xác nhận quá trình chung sống anh chị hoà thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bao ban được nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc. Từ cuối năm 2022 anh chị mâu thuẫn trầm trọng chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh V và gia đình ông nữa, anh chị ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị được đại diện chính quyền địa phương cung cấp chị D đã bỏ về nhà bố mẹ để chị ở từ cuối năm 2022 đến nay không quay về chung sống cùng anh V nữa. Anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị D và anh V đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị Diện được ly hôn anh V là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị D và anh V có hai con chung là cháu Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 và cháu Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022. Khi ly hôn chị D xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu C và nhất trí giao cháu H cho anh V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy hiện nay cháu C đang ở cùng chị D, được chị D chăm sóc tốt, còn cháu H đang ở cùng anh V, được anh V chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, ngoài ra anh V còn được sự giúp đỡ của gia đình trong việc chăm sóc con chung. Vì vậy, để ổn định chỗ ăn ở, thuận lợi cho việc học tập và sự phát triển của con chung cần giao cháu C cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35;

điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Hồng D được ly hôn anh Hoàng Thanh V.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Quỳnh C, sinh ngày 17/01/2022 cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu C thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Hoàng Quỳnh H, sinh ngày 13/11/2019 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi cháu H thành niên (đủ 18 tuổi). Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị D, anh V được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Phan Hồng D phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị D đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005000 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền